

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2021
Về việc: “Ly hôn giữa chị D với anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH Đ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Quang.
2. Bà Võ Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 423/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/QĐ-XXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Bùi Thị Bích D**, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Phú L, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: **Huỳnh Đoàn Ngọc T**, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Rạch Gừa, xã Phú L, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07 tháng 10 năm 2019, bản tự khai ngày 20/10/2020, những lời khai tiếp theo, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Bùi

Thị Bích D trình bày:

Chị Bùi Thị Bích D và anh Huỳnh Đoàn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú L, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/5/2011. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến tháng 7/2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, anh Huỳnh Đoàn Ngọc T chỉ lo ăn chơi, không lo làm ăn, xây dựng gia đình, không lo cho vợ con. Vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, không thể hàn gắn được, mất dần hạnh phúc. Chị D cố gắng hàn gắn, thuyết phục anh T để xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay. Hiện tại, chị D không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa.

Tại tòa, chị Bùi Thị Bích D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết những vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho ly hôn với anh Huỳnh Đoàn Ngọc T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Đoàn Ngọc N, sinh ngày 18/10/2011; Huỳnh Đoàn Ngọc K, sinh ngày 05/01/2014. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu K, đồng thời yêu cầu anh Huỳnh Đoàn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 745.000 đồng cho mỗi đứa con. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 19/01/2021) cho đến khi các con chung thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ nhưng anh Huỳnh Đoàn Ngọc T từ chối tham gia tố tụng, bất hợp tác với Tòa án, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến gì thể hiện quan điểm trong vụ án ly hôn giữa chị Bùi Thị Bích D với anh Huỳnh Đoàn Ngọc T.

** Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Bùi Thị Bích D thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Huỳnh Đoàn Ngọc T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Bích D đối với anh Huỳnh Đoàn Ngọc T.

Về con chung: Chị Bùi Thị Bích D được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Huỳnh Đoàn Ngọc N, sinh ngày 18/10/2011; Huỳnh Đoàn Ngọc K, sinh ngày 05/01/2014 (Phù hợp với nguyện vọng của cháu N).

Anh Huỳnh Đoàn Ngọc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D theo quy định pháp luật mỗi tháng là 745.000 đồng cho mỗi đứa con. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 19/01/2021) cho đến khi các con chung thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D khai không có, anh T cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh Đoàn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không có lý do cho nên xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự

Xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Bích D và anh Huỳnh Đoàn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, hai bên có đăng ký kết hôn theo luật định nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc. Đến tháng 7/2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, anh Huỳnh Đoàn Ngọc T chỉ lo ăn chơi, không lo làm ăn, xây dựng gia đình, không lo cho vợ con, do đó vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 07/2018 cho đến nay. Hiện tại, chị D và anh T ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của chị D là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Đoàn Ngọc N, sinh ngày 18/10/2011; Huỳnh Đoàn Ngọc K, sinh ngày 05/01/2014. Xét thấy cháu N và cháu

K hiện tại đang sống chung với chị D, do đó cần giao hai con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình cũng như nguyện vọng của cháu N trên 07 tuổi. Chị D yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 745.000 đồng cho mỗi đứa con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 19/01/2021) là có cơ sở và phù hợp với Điều 82, 116 Luật hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị Bích D khai không có, anh T vắng mặt cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì nên không xem xét.

[5] Đối với phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị Bích D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Về án phí cấp dưỡng nuôi con anh Huỳnh Đoàn Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 482, Điều 485 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Bích D đối với anh Huỳnh Đoàn Ngọc T.

Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Bích D với anh Huỳnh Đoàn Ngọc T.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Huỳnh Đoàn Ngọc N, sinh ngày 18/10/2011; Huỳnh Đoàn Ngọc K, sinh ngày 05/01/2014 cho chị Bùi Thị Bích D trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Huỳnh Đoàn Ngọc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Bùi Thị Bích D mỗi tháng 745.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) cho mỗi đứa con. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 19 tháng 01 năm 2021). Cho đến khi các con chung đã thành niên.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị D trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không xem xét.

4. Về án phí.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Bùi Thị Bích D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001960 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đ. Vậy, chị D đã nộp xong án phí.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con:

Anh Huỳnh Đoàn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Bùi Thị Bích D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn Huỳnh Đoàn Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đ.
- UBND xã Phú L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi